

Số: 241/SYT-KHTC

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 01 năm 2021

Về việc đề nghị cung cấp thông tin giá hệ thống xử lý nước thải cho dự án Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Quảng Ninh

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải.

Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh được Ủy ban nhân dân tỉnh giao làm Chủ đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Quảng Ninh.

Để phục vụ công tác lập dự toán cho kế hoạch mua sắm hệ thống xử lý nước thải cho dự án. Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh đề nghị các quý Công ty, đơn vị cung cấp một số thông tin, tài liệu về hàng hóa do đơn vị mình phân phối hoặc chào bán, cụ thể như sau:

1. Báo giá thiết bị hệ thống xử lý nước thải y tế. Nội dung yêu cầu báo giá gồm: Tên thiết bị, vật tư và cấu hình cung cấp, thông số kỹ thuật, dây chuyền công nghệ (*Có phụ lục chi tiết kèm theo*).

Yêu cầu báo giá: Trong bảng báo giá nêu rõ đơn giá, thành tiền và chi phí dịch vụ liên quan (nếu có) để thực hiện việc cung cấp, lắp đặt. Các thông tin liên quan thời gian bảo hành bảo trì thiết bị và các thông tin cần thiết khác.

Đối với báo giá thiết bị y tế chuyên dùng: Trong báo giá cần phân nhóm thiết bị cùng các tài liệu xác định việc phân nhóm theo Thông tư 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y tế.

2. Cung cấp kèm theo các tài liệu

- Tài liệu chứng minh tiêu chuẩn kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ hàng hóa gồm: Catalogue, bảng tính năng kỹ thuật sản phẩm (Technical Specifications) bản gốc tiếng Anh (bắt buộc) và bản dịch tiếng Việt cho các vật tư, thiết bị cung cấp.

- Các tài liệu về ủy quyền bán hàng, đại lý phân phối hoặc các tài liệu tương đương;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Hợp đồng các thiết bị tương tự đã thực hiện cung cấp, lắp đặt trong thời gian 12 tháng gần đây (nếu có).

Quý Công ty, đơn vị gửi báo giá và tài liệu chứng minh kèm theo đến Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh bằng cách gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện trước **ngày 25/01/2021**.

Nơi nhận: Phòng Kế hoạch Tài chính - Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh. Địa chỉ: Tầng 19 Trụ sở Liên cơ quan số 03, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh rất mong sự hợp tác của các Quý Công ty, đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VP Sở Y tế (đăng tải trên trang TT điện tử của SYT);
- Lưu: VT, KHTC₉.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Tiến Hưng

PHỤ LỤC
DANH MỤC CHI TIẾT THIẾT BỊ ĐỀ NGHỊ XIN BÁO GIÁ
DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NÂNG CẤP MỞ RỘNG BỆNH VIỆN Y DƯỢC CỔ
TRUYỀN QUẢNG NINH

HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

STT	Tên vật tư, thiết bị, chủng loại (Model, hãng sản xuất, nước sản xuất, xuất xứ, cấu hình cung cấp, thông số kỹ thuật)	Đơn vị	Số lượng
A	Hệ thống xử lý nước thải công suất 100m³/ ngày, đêm (Bao gồm Hệ thống xử lý nước thải 100m³/ngày đêm và Hệ thống xử lý nước thải giặt là)	Hệ thống	01
A.1	Hệ thống xử lý nước thải 100m³/ngày đêm Model: KTZ-1.5S Hãng sản xuất: KUBOTA Xuất xứ: Nhật Bản		
I	Yêu cầu chung		
	Lưu lượng nước thải trung bình được xử lý: 100m ³ /ngày đêm		
	- Thiết bị mới 100%		
	- Sản xuất năm 2019 trở về sau		
	- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015		
	- Loại nước thải đầu vào: Nước thải trong các bệnh viện, trung tâm Y tế		
	- Nước thải đầu ra (sau xử lý) đạt QCVN 28: 2010/BTNMT (Cột A)		
	- Nguồn xả thải: Các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt		
	- Phương thức xử lý: Sử dụng đệm vi sinh lưu động kết hợp lọc và tuần hoàn		
II	Cấu hình:		
1	Thiết bị xử lý hợp khối (tank FRP) gồm: 01 hệ thống		
2	Thiết bị kèm theo tank FRP		
2.1	Máy sục khí tank FRP: 02 chiếc		
2.2	Máy khuấy bể điều hòa: 01 chiếc		
2.3	Bơm tại bể điều hòa: 02 chiếc		
2.4	Bơm đầu ra: 02 chiếc		
2,5	Bơm NaOH: 1 chiếc		
2,6	Bồn NaOH đồng bộ theo hãng sản xuất: 1 chiếc		
2.7	Bơm Methanol: 01 chiếc		
2.8	Bồn chứa Methanol đồng bộ theo hãng sản xuất: 01 chiếc		
2.9	Tủ điện đồng bộ theo hãng sản xuất: 01 chiếc		
3	<i>Phụ kiện vật tư phụ kèm theo</i>		
3.1	Van điện, bộ nối cổ tank, phao báo mực nước, đồng hồ đo lưu lượng nước đầu vào kèm lọc rác, đồng hồ đo lưu lượng		

STT	Tên vật tư, thiết bị, chủng loại (Model, hãng sản xuất, nước sản xuất, xuất xứ, cấu hình cung cấp, thông số kỹ thuật)	Đơn vị	Số lượng
	nước đầu ra kèm lọc rác...		
3.2	Hệ thống Điện: 01 Hệ thống (Tủ điện tổng, dây nối từ tủ điện tổng đến tủ điều khiển; Dây điện kết nối công nghệ trong hệ thống phù hợp với tiêu chuẩn của nhà sản xuất)		
3.3	Vật tư linh phụ kiện lắp đặt hoàn chỉnh để vận hành theo đúng yêu cầu của nhà sản xuất: 01 bộ		
4	<i>Hướng dẫn sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ</i>		
III	Đặc tính và thông số kỹ thuật		
1	<i>Thông số nước thải đầu vào đầu ra của hệ thống</i>		
1.1	Thông số Nước đầu vào		
	pH trong khoảng: Từ 7,0 đến 8,5		
	BOD trong khoảng: Từ 100 đến 200 (mg/l)		
	COD trong khoảng: Từ 150 đến 250 (mg/l)		
	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) trong khoảng: Từ 0 đến 200 (mg/l)		
	Amoni (NH ₄ -N) Trong khoảng: Từ 15 đến 50 (mg/l)		
	Nitrat (NO ₃ -N) Trong khoảng: Từ 0 đến 10 (mg/l)		
	Phosphat (P) trong khoảng: Từ 2 đến 8 (mg/l)		
	Sulfua (Tính theo H ₂ S) trong khoảng: Từ 6 đến 8 (mg/l)		
	Dầu mỡ động thực vật trong khoảng: Từ 0 đến 50 (mg/l)		
	Tổng Coliforms (MPN/100ml) trong khoảng: Từ 0 đến 2x10 ⁹ (MPN/100 ml)		
	Dầu khoáng, kim loại độc hại, chất phóng xạ không được xả vào nước thải đầu vào		
	Hóa chất từ phòng thí nghiệm, nghiên cứu có nồng độ Clo tự do cao, Chất phóng xạ phải được xử lý trước khi vào hệ thống xử lý nước thải hợp khối		
1.2	Thông số Nước đầu ra		
	pH trong khoảng: Từ 6,5 đến 8,5		
	BOD ≤ 30 (mg/l)		
	COD ≤ 50 (mg/l)		
	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS): ≤ 50 (mg/l)		
	Amoni (NH ₄ -N): ≤ 5 (mg/l)		
	Nitrat (NO ₃ -N): ≤ 30 (mg/l)		
	Phosphat (P): ≤ 6 (mg/l)		
	Sulfua (Tính theo H ₂ S): ≤ 1 (mg/l)		
	Dầu mỡ động thực vật: ≤ 10 (mg/l)		
	Tổng Coliforms: ≤ 3000 (MPN/100ml)		
2	Thiết bị xử lý nước thải hợp khối		
2.1	Nguyên vật liệu chế tạo và khả năng chịu lực của thiết bị hợp khối FRP		
	Vật liệu chế tạo Tank: Sợi thủy tinh (Glass Chopped Strand)		

STT	Tên vật tư, thiết bị, chủng loại (Model, hãng sản xuất, nước sản xuất, xuất xứ, cấu hình cung cấp, thông số kỹ thuật)	Đơn vị	Số lượng
	Vật liệu nền tank: Polyester chưa bão hòa		
	Phương pháp chế tạo tank: Phun khuôn (Spray Up Molding)		
	Khả năng chịu lực của tank hợp khối (FRP):		
	- Phần ống trụ (Ø2050):		
	+ Độ dày (mm): 6,5		
	+ Độ bền kéo (Mpa): $1,44 \times 10^2$		
	+ Độ bền uốn (Mpa): $2,15 \times 10^2$		
	+ Mô đun đàn hồi (Mpa) : $1,19 \times 10^4$		
	+ Mô đun Uốn (Mpa): $0,8 \times 10^4$		
	+ Độ cứng (barcol): ≥ 35		
	+ Hệ số biến dạng: 0,33		
	- Phần tấm đáy (Ø2050):		
	+ Độ dày (mm): 6,5		
	+ Độ bền kéo (Mpa): $0,89 \times 10^2$		
	+ Độ bền uốn (Mpa): $1,88 \times 10^2$		
	+ Mô đun đàn hồi (Mpa): $1,16 \times 10^4$		
	+ Mô đun Uốn (Mpa): $0,77 \times 10^4$		
	+ Độ cứng (barcol): ≥ 35		
	+ Hệ số biến dạng: 0,32		
	- Phần vách ngăn (Ø2050) :		
	+ Độ dày (mm): 6,5		
	+ Độ bền kéo (Mpa): $0,9 \times 10^2$		
	+ Độ bền uốn (Mpa): $1,65 \times 10^2$		
	+ Mô đun đàn hồi (Mpa): $1,02 \times 10^4$		
	+ Mô đun Uốn (Mpa): $0,74 \times 10^4$		
	+ Độ cứng (barcol): ≥ 35		
	+ Hệ số biến dạng: 0,31		
2.2	Thiết bị kèm theo tank FRP		
2.2.1	Máy sục khí tank FRP:		
	+ Đường kính: 50 mm		
	+ Áp suất: 0,02 Mpa		
	+ Lưu lượng: 2,25 m ³ /Phút		
	+ Công suất tiêu thụ điện: 2,2Kw		
2.2.2	Máy khuấy bể điều hòa:		
	+ Đường kính: 20 mm		
	+ Áp suất: 0,02 Mpa		
	+ Lưu lượng: 0,3 m ³ /Phút		
	+ Công suất tiêu thụ điện: 0,4Kw		
2.2.3	Bơm tại bể điều hòa:		

STT	Tên vật tư, thiết bị, chủng loại (Model, hãng sản xuất, nước sản xuất, xuất xứ, cấu hình cung cấp, thông số kỹ thuật)	Đơn vị	Số lượng
	+ Đường kính : 50 mm		
	+ Áp suất: 7,2 mH ₂ O		
	+ Lưu lượng: 0,16 m ³ /Phút		
	+ Công suất tiêu thụ điện: 0,4Kw		
2.2.4	Bơm tại đầu ra:		
	+ Đường kính: 50 mm		
	+ Áp suất: 7,2 mH ₂ O		
	+ Lưu lượng: 0,16 m ³ /Phút		
	+ Công suất tiêu thụ điện: 0,4Kw		
2.2.5	Bơm NaOH:		
	+ Áp suất: 1,0 Mpa		
	+ Lưu lượng: 55 ml/Phút		
	+ Công suất tiêu thụ điện: 0,025Kw		
2.2.6	Bơm Methanol:		
	+ Áp suất: 1,0 Mpa		
	+ Lưu lượng: 16 ml/Phút		
	+ Công suất tiêu thụ điện: 0,025Kw		
2.2.7	Bồn NaOH		
	+ Dung tích chứa: 200 lít		
	+ Vật liệu chế tạo: Nhựa PVC		
2.2.8	Bồn chứa Methanol:		
	+ Dung tích chứa: 120 lít		
	+ Vật liệu chế tạo: PE		
2.2.9	Tủ điện đồng bộ điều khiển toàn bộ thiết bị kèm theo tank FRP		
2.3	Phụ kiện, vật tư phụ kèm theo		
2.3.1	Đệm vi sinh:		
	+ Vật liệu chế tạo: Dạng polyurethane		
	+ Tỷ trọng: 30kg/m ³		
	+ Kích thước: (20x20) mm		
	+ Cấu trúc: Dạng ngậm nước / Trương nở trong nước		
2.3.2	Vật liệu lọc kỵ khí:		
	+ Vật liệu chế tạo: Nhựa PP		
	+ Diện tích bề mặt: 66m ² /m ³		
	+ Cấu trúc: Hình cầu		
2.3.3	Vật liệu lọc:		
	+ Vật liệu chế tạo: Nhựa PP		
	+ Diện tích bề mặt: 380m ² /m ³		
	+ Cấu trúc: Hình trụ rỗng		
	Cường độ sục khí trong khoang chứa đệm vi sinh lưu động:		

STT	Tên vật tư, thiết bị, chủng loại (Model, hãng sản xuất, nước sản xuất, xuất xứ, cấu hình cung cấp, thông số kỹ thuật)	Đơn vị	Số lượng
	$\geq 6,3\text{m}^3/\text{m}^3.\text{h}$		
A.2	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI GIẶT LÀ, CÔNG SUẤT 30M3/ NGÀY, ĐÊM Xuất xứ: Việt Nam, Ý		
I	Yêu cầu chung		
	Lưu lượng nước thải trung bình được xử lý: 30m ³ /ngày đêm		
	- Thiết bị mới 100%		
	- Sản xuất năm 2019 trở về sau		
II	Cấu hình		
	Bồn lọc áp lực: 01 chiếc		
	Van điện từ: 04 chiếc		
	Bơm lọc kèm khớp nối tự động: 02 chiếc		
	Bơm rửa lọc kèm khớp nối tự động: 02 chiếc		
	Tủ điều khiển hệ thống xử lý nước thải giặt là: 01 chiếc		
	Bộ phao điện: 01 bộ		
III	Đặc tính và thông số kỹ thuật		
<i>1</i>	<i>Bồn lọc áp lực:</i>		
	+ Kích thước: D1000xH2700 Inox SUS 304		
	+ Thân cấu tạo bằng inox SUS 304 dày 4mm		
	+ Hai đầu chỏm cầu Inox SUS 304 dày 4mm		
	+ Mặt sàng lắp chụp lọc Inox SUS 304 dày 5mm, tăng cứng sàng bằng V50x50mm		
	+ 30 phin lọc nước (chụp lọc nước) nhựa		
	+ 03 chân đế hình hộp inox SUS 304 dày 4mm		
	+ 02 cửa kiểm tra D400 và D450; Chiều dày bích cửa kiểm tra dày 8mm có gioăng làm kín bằng cao su		
	+ Vật liệu lọc: Cát lọc kích thước 0,6-1,2mm, khối lượng 800kg; sỏi đỡ kích thước 5-10mm, khối lượng 320kg		
<i>2</i>	<i>Van điện từ inox:</i>		
	+ Kiểu van bướm DN80		
	+ Áp lực làm việc PN16		
	+ Vật liệu: Thân van Gang, đĩa van inox 316		
	+ Điện áp: 230V/1pha/50Hz ; IP65		
<i>3</i>	<i>Bơm lọc:</i>		
	+ Q = 6-51m ³ /h; H = 36,1-6,5m		
	+ Tại điểm làm việc theo đường đặc tính của bơm: Q = 9m ³ /h; H = 35m		
	+ N=4Kw-3 pha-400V-50Hz, tốc độ 2900v/p		
	+ Khớp nối tự động: bộ khớp nối nhanh DN50 không bao gồm dây xích và thanh trượt		
	+ Van phao kiểm soát 3 mức nước cao, trung bình, thấp trong bể		

STT	Tên vật tư, thiết bị, chủng loại (Model, hãng sản xuất, nước sản xuất, xuất xứ, cấu hình cung cấp, thông số kỹ thuật)	Đơn vị	Số lượng
4	<i>Bơm rửa lọc</i>		
	+ Q = 6-66m ³ /h; H = 22,2-6,4m		
	+ Tại điểm làm việc theo đường đặc tính của bơm: Q = 36m ³ /h; H = 15m		
	+ N = 2,2Kw-3 pha-400V-50Hz, tốc độ 2900v/p		
	+ Khớp nối tự động: bộ khớp nối nhanh DN65 không bao gồm dây xích và thanh trượt		
5	<i>Tủ điều khiển</i>		
	+ Điều khiển 02 bơm nước thải 4Kw/3 pha/400V		
	+ Điều khiển 02 bơm nước thải rửa lọc 2,2Kw/3 pha/400V		
	+ 4 van điện từ 230V/1 pha/50Hz		
	+ Điều khiển bơm tự động theo 3 mức phao		
	+ Công suất tủ điện max = 23Kw		
6	<i>Bộ phao điện: 01 bộ</i>		
7	<i>Các thiết bị, vật tư, phụ kiện kết nối hoàn thiện hệ thống</i>		

PHẦN 3: THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG

TT	Danh mục thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Giường bệnh nhân (kèm tủ đầu giường) Model: HF1176; HF1932 Hãng sản xuất: Narang Medical Xuất xứ: Ấn Độ	Bộ	100
a	Yêu cầu chung		
	Sản xuất năm 2019 trở về sau		
	Thiết bị mới 100%		
	Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485		
b	Cấu hình cung cấp:		
<i>1</i>	Giường quay tay kèm bàn ăn: 01 cái		
<i>1.1</i>	Cọc truyền: 01 cái		
<i>1.2</i>	Đệm: 01 bộ		
<i>1.3</i>	Kẹp đầu giường: 01 chiếc		
<i>1.4</i>	Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh- Việt: 01 bộ		
<i>2</i>	Tủ đầu giường: 01 cái.		
<i>2.1</i>	Phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo: 01 bộ		
<i>2.2</i>	Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh- Việt: 01 bộ		
c	Yêu cầu kỹ thuật:		
<i>1</i>	<i>Giường điều khiển bằng tay quay</i>		
	<i>Model: HF1176</i>		
	Có thể điều chỉnh tầm tựa lưng, đỡ chân bằng hai tay quay		
	Kích thước: L 2180 x W 980 x H 500mm (±5%)		
	Tầm chắn đầu và chắn chân được làm bằng nhựa ABS		
	Tay chắn hai bên bằng nhôm, có nút khóa/mở, nâng lên/thu gọn		
	Bàn ăn gắn trên thành giường, có thể gập lại.		
	Mặt giường nằm được phủ epoxy và lớp kháng khuẩn		
	Bánh xe chống ồn, có khóa hãm riêng biệt		
	Có vị trí gắn cọc truyền ở hai bên giường		
	Độ dày đệm 10cm		
<i>2</i>	<i>* Tủ đầu giường</i>		
	<i>Model: HF1932</i>		
	Kích thước: L 475 x W 470 x H 755mm		
	Mặt tủ làm bằng nhựa ABS		
	Gồm 1 ngăn chứa và 1 ngăn kéo		
2	Ghế chờ bệnh nhân Model: GHC.4 Hãng sản xuất: Hải Hà Xuất xứ: Việt Nam	Cái	50
a	Yêu cầu chung		
	Sản xuất năm 2019 trở về sau		

TT	Danh mục thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	Hàng hóa mới 100%.		
	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485		
b	Cấu hình cung cấp		
	Ghế loại bốn chỗ và phụ kiện lắp đặt hoàn chỉnh: 01 chiếc		
c	Thông số kỹ thuật:		
	Kết cấu ghế được cắt gập toàn bộ trên máy CNC		
	Số chỗ ngồi: 04 chỗ		
	Mặt ghế: dập liền bằng Inox tấm SUS 304 dày 1 mm		
	Mặt ghế đột các lỗ thoáng		
	Chân ghế làm bằng: Inox tấm dày 2mm.		
	Tay vịn của ghế làm bằng: Inox tấm dày 3mm		
	Xương khung đỡ toàn bộ mặt ghế bằng: Sắt hộp 40x80mm; độ dày 1,8mm sơn tĩnh điện.		